

Số:551 /VSDTTU-KHQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Mời báo giá sinh phẩm, hoá chất, vật tư tiêu hao phục vụ Giám sát đánh giá hiệu quả triển khai Vắc xin phòng bệnh nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp sinh phẩm, hoá chất, vật tư tiêu hao

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương đang có nhu cầu Mời báo giá sinh phẩm, hoá chất, vật tư tiêu hao phục vụ Giám sát đánh giá hiệu quả triển khai Vắc xin phòng bệnh nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá các sinh phẩm, hoá chất theo các nội dung sau:

1. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu của các hàng hóa của từng hoạt động được nêu chi tiết tại bản Phụ lục 01 đính kèm.

- Địa điểm bàn giao hàng hoá: Tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

2. Mục đích báo giá: cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Kế hoạch Hợp tác quốc tế - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Số điện thoại: 024.39716353, email: dauthau1@nihe.org.vn.

- Bộ phận văn thư- Phòng Hành chính Vật tư của Viện.

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hồ sơ xin gửi qua đường văn thư về Viện theo thông tin sau: Phòng Kế hoạch- Hợp tác quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, số 1 Yecxanh, Hai Bà Trưng, Hà Nội, SĐT: 024.39716353.

- Hồ sơ báo giá bản điện tử xin gửi về địa chỉ email: dauthau1@nihe.org.vn (Đơn vị báo giá cung cấp file scan báo giá kèm theo file word hoặc excel bản chào giá hàng hóa).

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày phát hành đến trước 12h00 ngày 09 tháng 04 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí giao hàng tại Viện theo mẫu tại bản Phụ lục 02 đính kèm.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

- Các đơn vị bắt buộc chào trọn gói từng phần hoặc toàn bộ danh mục của các gói thầu số 01, 02, 04. Đối với gói thầu số 03, nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều danh mục hàng hóa. Hàng hóa chào phải có quy cách đóng gói đúng với khối lượng hàng hóa mời chào giá, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hoá.

7. Yêu cầu đơn vị gửi báo giá:

- Không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền.
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Cam kết giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website nihe.org.vn;
- Website muasamcong.mpi.gov.vn;
- Lưu VT, KHQT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Cao Ngọc Ánh

BẢNG PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật (yêu cầu xây dựng cụ thể)	Đơn vị/Quy cách đóng gói	Số lượng
1	Hoạt động 1	Mua hóa chất vật tư để xét nghiệm vi rút polio và vi rút đường ruột gây liệt mềm cấp		
1	Kháng sinh Penicillin/ Streptomycin	<p>1. Mô tả: Dung dịch kháng sinh Penicillin/ Streptomycin</p> <p>2. Thành phần: +10,000 u penicillin, 10 mg streptomycin/mL, dùng để nuôi cấy tế bào + Lọc qua filter 0.1 µm + Nồng độ 100X 3. Bảo quản: -20 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 08 tháng</p>	Lọ 100 ml	2
2	Chloroform ACS	<p>1. Mô tả: Dung dịch Chloroform</p> <p>2. Thành phần: Nồng độ ≥99.8%</p> <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 08 tháng</p>	Chai 1 L	2
3	Bộ sinh phẩm hạt từ cô đặc vi rút	<p>1. Mô tả: Bộ sinh phẩm cô đặc vi rút từ nước thải (hướng dẫn áp dụng cho 10ml nước thải) theo phương pháp hạt từ (Vira-Max Kit) trong vòng 30 phút</p> <p>2. Thành phần: + Bốn tuýp dung dịch: Tuýp I (nắp đỏ) chứa 25mL hỗn dịch hạt từ, tuýp II và III (nắp vàng và xanh lá) chứa 15 mL và 30 mL dung dịch không màu, trong suốt, tuýp IV (nắp xanh dương) chứa 85mL dung dịch không màu, trong suốt, có độ nhớt cao. 3. Bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 08 tháng</p>	Bộ 50 phản ứng	4
4	Viên khử khuẩn PRESEPT	<p>1. Mục đích sử dụng: Viên khử khuẩn dùng trong xử lý mẫu</p> <p>2. Mô tả: - Viên ngậm sát khuẩn Presept 2,5g/viên. - Thành phần: Natri Dichloroisocyanurate khan: 50%; Adipic Acid 22,5%; Thành phần khác: 27,5% - Công dụng: diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng có tác dụng đối với tất cả các loại vi khuẩn sinh dưỡng, nấm, vi rút và nha bào.</p>	Lọ 50 viên	2

		<p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p> <p>1. Mục đích: kit phản ứng tổng hợp cDNA và PCR định lượng trong một bước, được thiết kế để phân tích RNA với độ nhạy cao 2. Thông số kỹ thuật: - qScript XLT Reverse Transcriptase: Enzyme phiên mã ngược từ M-MLV với hoạt tính RNase H giảm, hoạt động hiệu quả ở nhiệt độ cao (50–55°C), giúp tăng độ đặc hiệu và phá vỡ cấu trúc bậc hai của RNA. - AccuStart II Taq DNA Polymerase: DNA polymerase có cơ chế hot-start, được kích hoạt ở nhiệt độ cao, giúp giảm thiểu phản ứng không đặc hiệu. - RNase Inhibitor: Bảo vệ RNA khỏi sự phân hủy bởi RNase. - AccuVue™ Tracer Dye: Thuốc nhuộm màu xanh nhạt, hỗ trợ trong việc theo dõi quá trình pipet và không ảnh hưởng đến hiệu suất PCR. - Dung dịch đệm: Chứa dNTPs, MgCl₂ và các chất ổn định enzyme - Dung tích: 5 x 1 mL (đủ cho 500 phản ứng 20 µL) - Dạng: Dung dịch 2X, sẵn sàng sử dụng - Đóng gói: Hộp 500 phản ứng 3. Điều kiện bảo quản: - 20°C 4. Hạn sử dụng : ≥ 6tháng</p>	<p>Kit 500 phản ứng</p>	<p>1</p>
5	<p>Kit xét nghiệm RT-qPCR một bước</p>			
6	<p>Ống nuôi cấy tế bào 12ml</p>	<p>1. Mục đích: Dùng để nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: Ống nhựa trong dung tích 12ml Ống đáy tròn, PS, xử lý TC, tiệt trùng Kích thước 16x99mm 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	<p>Thùng 1000 chiếc</p>	<p>4</p>
7	<p>Chai/can nhựa sạch chịu nhiệt dung tích 1-2L</p>	<p>1: Mục đích sử dụng: thu thập mẫu nước thải 2. Mô tả - Can nhựa 1L (jerry can). - Nhựa HDPE bền, có khả năng kháng tia UV và chống va đập - Kèm theo nắp xoắn, đường kính thường là 38mm Vật liệu: Polypropylene nguyên chất - Chịu được nhiệt độ âm sâu - Vô khuẩn và DNase/RNase-free - Có dải quan sát mức chất lỏng</p>	<p>Thùng 100 chiếc</p>	<p>3</p>

8	Giá từ tách mẫu cho tube 15/50 mL	<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc phổ biến: trắng tự nhiên, xám hoặc đen. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng. 		
2	Hoạt động 2	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích sử dụng: Giá phân tách hạt từ cho tube 15/50 mL 2. Mô tả: <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị tách từ được thiết kế để giữ và tách các hạt từ sang phía thành ống, có thể chứa tối đa năm ống 15 mL và ba ống 50 mL. - Thiết bị bao gồm năm nam châm dạng thanh được gắn bên trong vỏ nhựa. 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Hộp 1 chiếc	2
1	Môi xuôi để phát hiện và định danh vùng gen VP7 vi rút Rota	<p>Mua hóa chất vật tư để xét nghiệm vi rút rota và noro gây tiêu chảy</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đóng khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự) <ul style="list-style-type: none"> - 9con1: TAG CTC CTT TTA ATG TAT GG - Dạng đóng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Ống 200nmol	1
2	Môi ngược để phát hiện và định danh VP7 vi rút Rota	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đóng khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). <ul style="list-style-type: none"> - VP7R : AAC TTG CCA CCA TTT TTT CC - Dạng đóng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Ống 200nmol	1
3	Môi để phát hiện và định	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đóng khô. 	Ống 200nmol	1

	<p>2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9T-1: TCT TGT CAA AGC AAA TAA TG - Dạng đồng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>			
4	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota G2</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đồng khô.</p> <p>2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9T-2: GTT AGA AAT GAT TCT CCA CT - Dạng đồng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1
5	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota G3</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đồng khô.</p> <p>2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9T-3P: GTC CAG TTG CAG TGT AGC -Dạng đồng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1
6	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota G9</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đồng khô.</p> <p>2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9T-9B: TAT AAA GTTC CAT TGC AC 	Ống 200nmol	1

	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng 		
7	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota G8</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - MW-8: TCT TCA AAA GTC GTA GTG - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng 	<p>Óng 200nmol</p> <p style="text-align: center;">1</p>
8	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota G4</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - 9T-4: GGG TCG ATG GAA AAT TCT - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng 	<p>Óng 200nmol</p> <p style="text-align: center;">1</p>
9	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota G12</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - G12S: TAA CGC TAA TGA ATT TTG GTA CTG - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 	<p>Óng 200nmol</p> <p style="text-align: center;">1</p>

10	Môi nuôi để phát hiện và định danh vùng gen VP4 vi rút Rota	<p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô.</p> <p>2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - VP4uF: TGG YTT CVC TCA TTT ATA GAC A - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ môi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 80D <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1
11	Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota P[4]	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô.</p> <p>2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - P[4]-R5: GCA TYC CTA CAA GTC TAT TAY TAG - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ môi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 80D <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1
12	Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota P[6]	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô.</p> <p>2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - P[6]-R2: ACC ATC GAG TAC TGG YTC TAT YGT TG - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ môi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 80D <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1

13	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota P[8]</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - P[8]-R2: GYG GTT CAA YAG CAA CKA CT - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1
14	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota P[9]</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - P[9]-4T-1: TGA GAC ATG CAA TTG GAC - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1
15	<p>Môi để phát hiện và định danh kiểu gen vi rút Rota P[10]</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - P[10]-5T-1: ATC ATA GTT AGT AGT CGG - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol	1
16	<p>Môi xuôi để phát hiện và định danh</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở</p>	Ống 200nmol	1

17	<p>vùng gen NSP3 vi rút Rota</p> <p>Mỗi ngược để phát hiện và định danh vùng gen NSP3 vi rút Rota</p>	<p>dưới (Tên: Trình tự). - NSP3F: ACCATCTWCACRTRACCCCTC - Dạng đồng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đồng khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - NSP3R: GGTCACATAACGCCCTATA - Dạng đồng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	<p>Ống 200nmol</p>	<p>1</p>
18	<p>Mỗi xuôi để phát hiện vi rút Noro GI</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đồng khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - COG1-F: CGY TGG ATG CGN TTY CAT GA - Dạng đồng khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	<p>Ống 200nmol</p>	<p>1</p>
19	<p>Mỗi ngược để phát hiện vi rút Noro GI</p>	<p>1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đồng khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - COG1-R: CTT AGA CGC CAT CAT TYA C - Dạng đồng khô</p>	<p>Ống 200nmol</p>	<p>1</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 		
20	<p>Mỗi xuí để phát hiện vi rút Noro GI</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - COG2-F: CAR GAR BCN ATG TTY AGR TGG ATG AG - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	<p>Ống 200nmol</p> <p style="text-align: center;">1</p>	
21	<p>Mỗi ngược để phát hiện vi rút Noro GI</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Môi cho phản ứng sinh học phân tử (RT-PCR/PCR hoặc realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô. 2. Thành phần: Các chuỗi oligo-nucleotide, chi tiết trình tự từng chuỗi trình bày ở dưới (Tên: Trình tự). - COG2-R: TCG ACG CCA TCT TCA TTC ACA - Dạng đông khô - Chiều dài: 20-30 Nu/ mỗi - Nồng độ: 200 nmol, đảm bảo đầu ra 8OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	<p>Ống 200nmol</p> <p style="text-align: center;">1</p>	
22	<p>Đầu dò để phát hiện và định danh vùng gen NSP3 vi rút Rota</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Đoạn dò được đánh dấu cho phản ứng sinh học phân tử (realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô 2. Thành phần: oligo-nucleotide được gắn chất phát và hấp phụ huỳnh quang tương ứng. Thông tin chi tiết của từng probe được trình bày ở dưới (Tên: Trình tự + chất gắn/hấp phụ huỳnh quang): - NSP3P: HEX-ATGAGCACAAATAGT"TT"AAAAGCTAACACTGTCAA-TAMRA (Probe với quencher ở trong tại vị trí nucleotide "T") - Dạng đông khô - Nồng độ đầu ra: 3 OD 	<p>Ống 3 OD</p> <p style="text-align: center;">1</p>	

		<p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>1. Mô tả: Đoạn dò được đánh dấu cho phản ứng sinh học phân tử (realtime RT-PCR), sử dụng trong nghiên cứu, dạng đông khô 2. Thành phần: oligo-nucleotide được gắn chất phát và hấp phụ huỳnh quang tương ứng. Thông tin chi tiết của từng probe được trình bày ở dưới (Tên: Trình tự + chất gắn/hấp phụ huỳnh quang): - Ring1-TP(a): HEX-TGG ACA GGA GAY CGC RAT CT-TAMRA - Dạng đông khô - Nồng độ đầu ra: 3 OD 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	1
Đầu dò để phát hiện vi rút Noro GI		<p>Đầu dò để phát hiện vi rút Noro GI</p>	1
Đầu dò để phát hiện vi rút Noro GII		<p>Đầu dò để phát hiện vi rút Noro GII</p>	1
Cồn tuyệt đối		<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng trong thí nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Công thức hóa học: C₂H₆O - Độ tinh sạch: $\geq 99.9\%$ - Độ pH: 7.0 (20 °C, 10 g/L in H₂O) 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.</p>	2
Acetic acid, 1L		<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng trong thí nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Công thức hóa học: CH₃CO₂H - Trọng lượng phân tử: 60,05</p>	1

27	Glycine, 1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$ - Nồng độ: $\leq 100,0\%$ - Dạng: lỏng 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng. 	Lọ 1kg	1	
28	NaOH, 1kg	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích sử dụng: Dùng trong thí nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Công thức hóa học: $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ - Trọng lượng phân tử: 75.07 - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ (HPLC) 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng. 	Lọ 1kg	1	
29	Amonium persulfate, 25g	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: Hóa chất Amonium persulfate 2. Thành phần: Dạng bột, nồng độ $\geq 98\%$ 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lọ 25g	1	
30	Thuốc nhuộm theo dõi trong quá trình điện di (6x)	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Thuốc nhuộm theo dõi trong quá trình điện di. 2. Mô tả: 6X DNA loading buffer 0.05% bromophenol blue, 40% sucrose, 0.1M EDTA (pH 8.0) và 0.5% SDS. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lọ 5ml	3	
31	Transfer pipette, 3.5 ml	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả: <ul style="list-style-type: none"> - Transfer pipette - Thể tích 3.5 ml - Độ rộng: 15 mm - Chiều dài: 155 mm - Kích thước giọt nhỏ: 35 μl - 55 μl - Vật liệu: Low Density Polyethylene LD-PE - Tiết trùng, có vạch chia thể tích 	Thùng 840 chiếc	4	

32	Dài 8 ống PCR 0,2 ml kèm nắp	<ul style="list-style-type: none"> - Chia nhỏ 10 chiếc/gói 2. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 		
33	Ống eppendorf đáy tròn 2 ml	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Dụng cụ phân ứng PCR 2. Mô tả - Vật liệu: nhựa Polypropylen, nắp phẳng, có gắn nắp theo từng ống - Thể tích 0,2ml - Dài 8 ống - Không chứa Dnase/Rnase và nội độc tố - Màu trắng, nắp phẳng - Đóng gói: Túi 120 dài và nắp <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	Túi 120 dài và nắp	10
34	Ống 5mL, nắp xoắn	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Dụng cụ dịch cân li tâm 2. Mô tả - Vật liệu: PP - Thể tích: 2ml - Chịu lực ly tâm: 25.000 xg - Trong suốt, đáy tròn, nắp bật, có vạch chia - Không chứa Dnase/Rnase <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Thùng 5000 chiếc	2
35	Đĩa realtime PCR	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Ống 5ml nắp xoắn, dùng đựng mẫu 2. Mô tả - Vật liệu: PP/HDPE - Không chứa DNA/Dnase/Rnase - Không chứa nội độc tố gây sốt, nội độc tố <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 1000 chiếc	1
35	Đĩa realtime PCR	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Dụng cụ kỹ thuật sinh học phân tử 2. Mô tả - Vật liệu: nhựa Polypropylen - Không chứa DNA/Dnase/Rnase 	Hộp 10 chiếc	1

	<ul style="list-style-type: none"> - Không chứa nội độc tố gây sốt, nội độc tố - Thể tích: 0,1ml - Tăm 96 giếng, bộ 10 tấm - Màu trắng <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p>			
36	<p>Ống lưu mẫu 2 ml, nắp xoắn,</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích sử dụng: lưu giữ mẫu bệnh phẩm hoặc chủng vi rút trong nhiệt độ âm sâu. 2. Mô tả <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích: 2ml, kích thước chiều rộng*cao 10.8mm*44mm. - Tự đứng, đáy tròn, màu trắng - Nắp có O-ring, ren ngoài, - Vật liệu: Polypropylene nguyên chất - Chịu được nhiệt độ âm sâu - Chứng chỉ CE, vô khuẩn và DNase/RNase-free - Vạch chia độ bên ngoài 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng. 	Thùng 1000 chiếc	4
37	<p>Túi zip 30x40cm</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích sử dụng: Túi zip dùng đựng chai nước thải 2. Mô tả: <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 30cm (chiều ngang) x 40cm (chiều dài). - Chất liệu: Nhựa PE (Polyethylene) dẻo, độ bền cao, chống thấm tốt. - Đặc điểm: Có đường zip miệng túi kín, thường là loại chỉ đỏ (hoặc trong suốt). - Công dụng: Dùng thực phẩm sấy khô, gia vị, quần áo, linh kiện, đồ khô, thuốc tây. - Độ dày: Thường là loại bao bì dày, đường hàn chắc chắn 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng 	kg	3
38	<p>Tăm trải bàn thí nghiệm Labmat</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: tăm trải bàn thí nghiệm 2. Mô tả: <ul style="list-style-type: none"> - Tăm cuộn, kích thước W 20 in. (50 cm) x 50 ft (15.2 m) - Một mặt thấm hút, một mặt tráng nilong 	Cuộn	3

		<p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p> <p>1. Mục đích sử dụng: Trữ tube đựng mẫu 2. Mô tả: - Hộp 10x10 giếng, dành cho tube 2ml - Thành phần: Bìa/ giấy carton cán nylon chống ẩm 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	
39	Hộp bìa carton	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để hút một lượng hóa chất sinh phẩm hoặc mẫu với thể tích nhỏ, độ chính xác cao 2. Thành phần: - Thể tích hút: 100 - 1250 μL - Chất liệu đầu tip: Polypropylene, màu tự nhiên, chống bám dính - Chất liệu màng lọc: HDPE (High Density Polyethylene), màu tự nhiên - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR <i>Tất cả tip đã được tiệt trùng</i> 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng</p>	1
40	Đầu côn lọc tiệt trùng 1250 μ L	<p>1. Mục đích: Ống ly tâm 50 ml, có nắp vận dùng để đựng và ly tâm mẫu khi thực hiện xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Thể tích: 50mL, có chia vạch, đáy nhọn, không tự đứng - Chất liệu ống ly tâm: Polypropylene (PP), nắp bằng vật liệu Polyethylene mật độ cao (HDPE). - Kích thước (đường kính x chiều dài): khoảng 29.1 x 114.4 mm. - Lực ly tâm tối đa: 17000 xg . - Vạch chia thể tích từ 5 đến 50 mL, mỗi 2.5 mL - Kiểu nắp: nắp phẳng, màu cam, đường kính 34.7mm; - Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Chứng chỉ: Non-Pyrogenic, RNase-/DNase-free, không độc hại theo Tiêu chuẩn USP Class VI. - Sản phẩm đã được khử trùng</p>	3
41	Ống Falcon 50ml	<p>1. Mục đích: Ống ly tâm 50 ml, có nắp vận dùng để đựng và ly tâm mẫu khi thực hiện xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Thể tích: 50mL, có chia vạch, đáy nhọn, không tự đứng - Chất liệu ống ly tâm: Polypropylene (PP), nắp bằng vật liệu Polyethylene mật độ cao (HDPE). - Kích thước (đường kính x chiều dài): khoảng 29.1 x 114.4 mm. - Lực ly tâm tối đa: 17000 xg . - Vạch chia thể tích từ 5 đến 50 mL, mỗi 2.5 mL - Kiểu nắp: nắp phẳng, màu cam, đường kính 34.7mm; - Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Chứng chỉ: Non-Pyrogenic, RNase-/DNase-free, không độc hại theo Tiêu chuẩn USP Class VI. - Sản phẩm đã được khử trùng</p>	2

	<p>- Đóng gói: Thùng 500 chiếc. 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>		
3	Hoạt động 3	Mua hóa chất vật tư để xét nghiệm để giám sát sinh học phân tử vi rút sởi	
1	<p>Kit realtime RT-PCR 1 bước 100 phản ứng</p>	<p>1. Mục đích: khuếch đại một bước mẫu RNA thành DNA sử dụng trong realtime PCR 2. Mô tả: - 100 µL SuperScript™ III/Platinum™ Taq Mix - 2 x 1.25 mL 2X Reaction Mix (chứa 0.4 mM mỗi dNTP và 6 mM MgSO₄) - 1 mL Magnesium Sulfate (50 mM) - 100 µL ROX™ Reference Dye (25 µM) - Loại mẫu: RNA (tổng RNA hoặc mRNA) - Thiết bị tương thích: ABI 7500, Bio-Rad iCycler iQ, iQ5, Stratagene Mx3000P, Mx3005P, Mx4000, MJ Chromo-4, Opticon, Cepheid SmartCycler, Bio-Rad MyiQ 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng"</p>	Kit 100 phản ứng 2
2	<p>Kit tách chiết ARN</p>	<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA vi rút từ mẫu bệnh phẩm. 2. Thành phần: - Cột lọc: 250 cột - Ống hứng dịch: 750 chiếc - Đệm ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 98ml - Đệm rửa Buffer AW2: 66ml - Đệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống - Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Kit 250 phản ứng 1
3	<p>Kit tinh sạch sản phẩm PCR sequencing DyeEx 2.0</p>	<p>1. Mục đích sử dụng: tinh sạch sản phẩm của phản ứng sequencing bằng nguyên lý cột lọc 2. Thành phần: - Cột lọc DyeEx 2.0 Spin Columns - Ống thu mẫu 2 ml - Thẻ tích bám dính: 10-20 ul; thẻ tích thu hồi: 10-20 ul, thích hợp sử dụng để loại</p>	Kit 50 phản ứng 5

		<p>bỏ đoạn gấn cuối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đầu vào: sản phẩm của phản ứng sequencing 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: > 8 tháng <p>1. Mục đích: Thực hiện phản ứng RT-PCR một bước được dùng để tổng hợp cDNA và khuếch đại PCR diễn ra trong cùng một ống phản ứng, giúp tiết kiệm thời gian và giảm nguy cơ nhiễm chéo</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Enzyme Mix (1 x 200 µl), - 5x Buffer (1 x 1.15 ml), - dNTP Mix (1 x 200 µl, 10 mM each), - 5x Solution (1 x 2 ml), - RNase-Free Water (2 x 1.9 ml) <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>4. Bảo quản: -20°C</p> <p>5. Quy cách: ≥ 100 phản ứng</p>	Kit 100 phản ứng	2
4	Kit RT-PCR Onestep 100 phản ứng		Kit 100 phản ứng	2
5	Khẩu trang y tế	<p>1. Mục đích: sử dụng khi làm xét nghiệm</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẩu trang y tế tiệt trùng bằng khí EO, 03 lớp kháng khuẩn - Thành phần: gạc không dệt, màng lọc khuẩn. <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Hộp	10
6	Giấy thấm	<p>1. Mục đích sử dụng: Giấy thấm sử dụng trong PTN,</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - dai, không bụi, loại giấy rút - kích thước 330mm x 330 mm <p>3. Bảo quản : nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Gói	40
7	Găng tay y tế không bột cỡ S	<p>1. Mục đích: là một trong số các dụng cụ bảo hộ để bảo vệ bàn tay, tránh nhiễm cho người làm và nhiễm chéo giữa các mẫu.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng chất liệu nitrile - Dùng một lần 	Hộp 100 chiếc	20

4	Hoạt động 4	<p>- Cỡ S</p> <p>- Tiệt trùng không bằng Ethylene Oxide</p> <p>- Đơn vị sản xuất đạt ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p> <p>Mua hóa chất vật tư để xét nghiệm để giám sát sinh học phân tử vi rút rubella</p> <p>1. Mục đích: khuếch đại một bước mẫu RNA thành DNA sử dụng trong realtime PCR</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 μL SuperScript™ III/Platinum™ Taq Mix - 2 \times 1.25 mL 2X Reaction Mix (chứa 0.4 mM mỗi dNTP và 6 mM MgSO₄) - 1 mL Magnesium Sulfate (50 mM) - 100 μL ROX™ Reference Dye (25 μM) - Loại mẫu: RNA (tổng RNA hoặc mRNA) - Thiết bị tương thích: ABI 7500, Bio-Rad iCycler iQ, iQ5, Stratagene Mx3000P, Mx3005P, Mx4000, MJ Chromo4, Opticon, Cepheid SmartCycler, Bio-Rad MyiQ <p>3. Bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng</p>	Kit 100 phản ứng	2
1	Kit realtime RT-PCR 1 bước 100 phản ứng			
1	Kit làm sạch sản phẩm PCR bằng enzyme	<p>1. Mục đích sử dụng: tinh sạch sản phẩm PCR</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dạng sản phẩm: Dung dịch enzyme, recombinant (tái tổ hợp) + Làm sạch PCR: Loại bỏ primer và dNTP trong 1 bước (one-step) + Hiệu suất thu hồi: ~100% sản phẩm PCR + Không cần cột/lọc: giảm mất mẫu và nhiễm chéo <p>3. Điều kiện bảo quản: -20 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p>	Kit 1 ống x 1 ML	3
2	Hi-Di Formamide	<p>1. Mục đích sử dụng: Hòa loãng mẫu sau đông khô</p> <p>2. Mô tả: Dung dịch Formamide khử ion, hòa tan mẫu sau đông khô để giải trình tự gen.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: -20 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p>	lọ 25ml	1
3	Thuốc nhuộm gel	1. Mục đích sử dụng: Chất nhuộm gel DNA, phát hiện DNA trong gel bằng thuốc nhuộm huỳnh quang.	Ống 400 μ L	2

		<p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc nhuộm: SYBR™ Safe - Màu xanh lá. - Đặc tính: Ít độc - Nồng độ: 10,000x trong DMSO <p>Phân tử đích: DNA</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng</p>		
3	Đầu côn không lọc 200 μ l	<p>1. Mục đích: thực hiện hút mẫu/dùng dịch.</p> <p>2. Mô tả: Đầu côn không lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích hút: 1 - 200 μL - Vật liệu: Polypropylene, màu vàng, chất cô đặc màu không chứa kim loại nặng - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Có thể hấp tiệt trùng ở 121°C và 15 psi trong 15 phút. - Được chế tạo trong môi trường đúc được kiểm soát để đảm bảo độ chính xác <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không có</p>	Túi 1000 chiếc	50
4	Bình nhựa đựng nước cất có vòi	<p>1. Mục đích sử dụng: Đựng nước cất.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình nhựa HDPE - Chưa tiệt trùng - Có nắp, có vòi xả nước ở đáy bình - Thể tích 10l <p>-3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng"</p>	Chiếc	2
5	Giấy bạc	<p>1. Mục đích sử dụng: Giấy bạc dùng trong sấy ướt dụng cụ PTN</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhôm lá nguyên chất (100%) chịu được nhiệt độ cao. - Kích thước: 5m x 30 m <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	cuộn	20
5	Hoạt động 5	Hoạt động nuôi cấy, phân lập vi rút Viêm não Nhật Bản		

1	Kit tách chiết ARN	<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA vi rút từ mẫu bệnh phẩm.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột lọc: 250 cột - Ống hứng dịch: 750 chiếc - Đệm ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 98ml - Đệm rửa Buffer AW2: 66ml - Đệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống - Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Kit 250 phản ứng	1
2	Kit chạy Realtime - RT PCR	<p>1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR</p> <p>2. Thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - 500 μl SuperScript III/Platinum Taq Mix - 12.5 ml đệm 2X - 2 x 1 ml Magnesium Sulfate (50 mM) - 500 μl ROX Reference Dye (25 μM) <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Kit 500 phản ứng	1
3	Phiến 96 giếng	<p>1. Mục đích: Thực hiện kỹ thuật Elisa</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>Vật liệu: polypropylene, 96 giếng, đáy bằng, kèm theo nắp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tiết trùng, được xử lý bề mặt - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, <p>3. Bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 100 chiếc	4
4	Ống nắp vặn 2ml	<p>1. Mục đích sử dụng: Dụng mẫu thí nghiệm</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết trùng - Thể tích 2ml, đáy tự đứng, nắp xoay có gioăng cao su - Không chứa Dnase/Rnase, kim loại nặng. <p>- Giữ được trong -196 độ C</p>	Túi 100 chiếc	3

	<p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng</p>		
6	<p>Hoạt động 6</p>	<p>Mua hóa chất vật tư để xét nghiệm để giám sát viêm màng não do vi khuẩn phế cầu. Giám sát viêm màng não do vi khuẩn não mô cầu Giám sát viêm màng não do vi khuẩn haemophilus influenza</p>	
1	<p>Môi hpd3 F</p>	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện TATGGTG"TT"ACGATATCCCTATCCTTGCCTATAAT</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: GGTTAAAATATGCCGATGGTGTG <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	<p>Tube 200nmol</p> <p>1</p>
2	<p>Môi hpd3 R</p>	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: TGCATCTTACGCACGGTGTA <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	<p>Tube 200nmol</p> <p>1</p>
3	<p>Đầu dò hpd3 HEX</p>	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: <HEX>TTGTGTACACTCCGT<BHQ1dI>GGTAAAAGAACTTGCAC<SpaceR C6> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	<p>Tube 1OD</p> <p>1</p>

4	Môi sodC F	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện <i>Neisseria meningitidis</i></p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: GCACACTTAGGTGATTTACCTGCAT <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
5	Môi sodC-R	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện <i>Neisseria meningitidis</i></p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: CCACCCGTGGATCATAATAGA <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
6	Đầu dò sodC-P	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện <i>Neisseria meningitidis</i></p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: <FAM>CATGATGGCACAGCAACAATCCTTGTT<BHQ1> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 1OD	1
7	Môi Suis-F	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện <i>Streptococcus Suis</i></p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô 	Tube 200nmol	1

		<p>- Trình tự: TCC RAT RCT GCT CTG CCA TT</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p> <p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Streptococcus Suis</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. <p>- Trình tự: TGA TAG TAG AAG TCC AGC ARA CT</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>		
8	Môi Suis-R		Tube 200nmol	1
9	Môi Suis-P	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Streptococcus Suis</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô <p>- Trình tự: <FAM>AAT AGC CC <BHQ1> GAA AAM CAG CCA CWY TT T GAR A<SpC6></p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 1OD	1
10	Môi GAS-F	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Group A Streotococcus</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô <p>- Trình tự: GCA CTC GCT ACT ATT TCT TAC CTC AA</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
11	Môi GAS-R	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Group A Streotococcus</p>	Tube 200nmol	1

		<p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: GTC ACA ATG TCT TGG AAA CCA GTA AT <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>		
12	Đầu dò GAS-P	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT-PCR để phát hiện Group A Streptococcus</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: <Cy-5>CCG CAA C<BHQ2>C ATC AAG GAT TTC TGT TAC CA<SpC6> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 1OD	1
13	Môi GBS-F	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT-PCR để phát hiện Group B Streptococcus</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: GGG AAC AGA TTA TGA AAA ACC G <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
14	Môi GBS-R	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT-PCR để phát hiện Group B Streptococcus</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: AAG GCT TCT ACA CGA CTA CCA A 	Tube 200nmol	1

15	Đầu dò GBS-P	<p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT-PCR để phát hiện Group B Streptococcus</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: [FAM]AAG GCT TCT ACA CGA CTA CCA A[BHQ1] <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 1OD	1
16	Môi Nm A F 2531	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT-PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ A</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: AAAATTCAAATGGGTATATCAGGAAGA <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
17	Môi Nm A R 2624	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT-PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ A</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: ATATGGTGCAAGCTGGTTCAATAG <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
18	Đầu dò Nm A Pb 2591i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT-PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ A</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) 	Tube 1OD	1

19	Mũi Nm B F 737	<ul style="list-style-type: none"> - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-CTAAAAG"TT"AGGAAGGGCAC"TTTGTGGCATAAT 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng <p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ B</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mũi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: GCTACCCCA"TTTCAGATGATTTGT <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
20	Mũi Nm B R 882	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ B 2. Thành phần: - Mũi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: ACCAGCCGAGGGTTTATTCTAC 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng 	Tube 200nmol	1
21	Đầu dò Nm B Pb 839i	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ B 2. Thành phần: - Mũi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-AAGAGATGGGYAACAAAC"TT"ATGTAATGTC"TTATT 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng 	Tube 1OD	1

22	Môi Nm C F 478	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ C</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: CCCTGAGTATGCGAAAAAATT <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
23	Môi Nm C R 551	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ C</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: TGCTAATCCCGCCTGAATG <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
24	Đầu dò Nm C Pb 495i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ C</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-TTTC AATGC"TT" AATGAATACCACCGTTTTTTTGC <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 1OD	1
25	Môi Nm W135 F 857	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ W135</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô 	Tube 200nmol	1

		<p>- Trình tự: TATTTATGGAAGGCATGGGTATG 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>		
26	Môi Nm W135 R 964	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ W135 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: TTGCCATTCCAGAAATATCACC 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
27	Đầu dò Nm W135 Pb 907i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ W135 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-AAATATGGAGCGAATGATTACAGTAACTAATGAA 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 1OD	1
28	Môi Nm X F 173	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ X 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: TGTCCCAACCGTTTATTGG 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
29	Môi Nm X R 237	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ X 2. Thành phần:</p>	Tube 200nmol	1

30	Đầu dò Nm X Pb 196	<ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: TGCTGCTATCATAGCCGCC 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng 		
31	Môi Nm Y F 787	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ X 2. Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-TGTTTGCCACATGAATGGCGG 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng 	Tube 10D	1
32	Môi Nm Y R 929	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ Y 2. Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: TCCGAGCAGGAAATTTATGAGAATAC 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng 	Tube 200nmol	1
32	Môi Nm Y R 929	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ Y 2. Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: TTGCTAAAATCATTCGCTCCATAT 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng 	Tube 200nmol	1

33	Đầu dò Nm Y Pb 1099i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện Neisseria meningitidis typ Y</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-TATGGTG"TT"ACGATATCCCTATCCTTGCCTATAAT <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 1OD	1
34	Môi Hi a F 261	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ a</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: GGCTGCGGGTGCCTGTGT <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
35	Môi Hi a R427	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ a</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: CCGGTCATCTTTTATGCTCCAA <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
36	Đầu dò Hi a Pb 375i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ a</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-TAAATTTTCTTGC"TT"CAATACCGCCTTCCCA 	Tube 1OD	1

		<p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p> <p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ b 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: TGATGCATTGAAAGAAGGTGTAATTT 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	1
37	Môi Hi b F 192	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ b 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: CCTGCCGGTAATAACATGATCATAAA 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	1
38	Môi Hi b R 359	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ b 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: CCTGCCGGTAATAACATGATCATAAA 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	1
39	Đầu dò Hi b Pb 244i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ b 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-TGTCGTGCAG"TT" AGCAAACCCGTAAACCTTACTC 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	1
40	Môi Hi c F 7667	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ c 2. Thành phần: - Môi (nucleotide)</p>	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: CATTGGTGATGGTTTCAGTTATTGG <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>		
41	Mỗi Hi c R 7784	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ c</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: TACAGCATTTCAGCAATAATGGG <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
42	Đầu dò Hi c Pb 7726i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ c</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-ATTGCA "T"CGCCGCAGGAGTTCCCG <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 1OD	1
43	Mỗi Hi d F 2211	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ d</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: CCTAAAATACGGACCTAGTGCAC <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1

44	Môi Hi d R 2255	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ d</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: CCGATGAGACCAAGTATGGTTA <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
45	Đầu dò Hi d Pb 2221i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ d</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-AACGAGC"TAGAGCTGGTCTGAA <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 1OD	1
46	Môi Hi e F 1523	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ e</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: ACTAAAATATGGCCCAACCCAC <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
47	Môi Hi e R 1589	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ e</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. 	Tube 200nmol	1

		<p>- Trình tự: CCGATGAGCCCAAGTATGATGA 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>		
48	Đầu dò Hi e Pb 1555i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ e 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 1OD, dạng đông khô - Trình tự: FAM-AACGAGCAAAGCCGG"TT"GCCGGAT 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 1OD	1
49	Môi Hi f F 7164	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ f 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô - Trình tự: CCTGAAAAGCGTTGACTTTG 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
50	Môi Hi f R 7313	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ f - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200 nmol, nồng độ đầu ra tối thiểu 12OD, dạng đông khô. - Trình tự: CCAACTTCAGGACCAAGTCATTC 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Tube 200nmol	1
51	Đầu dò Hi f Pb 7242i	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để phát hiện H.influenzae typ f 2. Thành phần: - Môi (nucleotide)</p>	Tube 1OD	1

	<p>- Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ đầu ra tối thiểu 10D, dạng đông khô - Trình tự: FAM-TGCTGCTAAC"TT" CAGATGCATCAGCTCCTT 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>			
52	<p>Hỗn hợp phản ứng Realtime PCR</p>	<p>1. Mục đích: kit chạy multiplex qPCR 2. Mô tả: Nồng độ 2X Thành phần: Multiplex qPCR SuperMix, 1.25 mL ROX Reference Dye 50X, 250 µL Low ROX Reference Dye 50X, 250 µL 3. Bảo quản: -20 độ 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	<p>Hộp 200 phản ứng</p>	1
53	<p>Kháng huyết thanh H.influenzae typ A</p>	<p>1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn H.influenzae nhóm A 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng</p>	<p>lọ đông khô 1ml</p>	1
54	<p>Kháng huyết thanh H.influenzae typ B</p>	<p>1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn H.influenzae nhóm B 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng</p>	<p>lọ đông khô 1ml</p>	1
55	<p>Kháng huyết thanh H.influenzae typ C</p>	<p>1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn H.influenzae nhóm C 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng</p>	<p>lọ đông khô 1ml</p>	1
56	<p>Kháng huyết thanh H.influenzae typ D</p>	<p>1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn H.influenzae nhóm d 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng</p>	<p>lọ đông khô 1ml</p>	1
57	<p>Kháng huyết thanh H.influenzae typ e</p>	<p>1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn H.influenzae nhóm e 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng</p>	<p>lọ đông khô 1ml</p>	1

58	Kháng huyết thanh H.influenzae typ f	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn H.influenzae nhóm f 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
59	Kháng huyết thanh nhóm H.influenzae typ a,b,c,d,e, f	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn H.influenzae nhóm a,b,c,d,e, f 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
60	Kháng huyết thanh não mô cầu typ A	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn não mô cầu nhóm A 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
61	Kháng huyết thanh não mô cầu typ B	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn não mô cầu nhóm B 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
62	Kháng huyết thanh não mô cầu typC	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn não mô cầu nhóm C 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
63	Kháng huyết thanh não mô cầu typ X	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn não mô cầu nhóm X 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
64	Kháng huyết thanh não mô cầu typ Y	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn não mô cầu nhóm Y 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
65	Kháng huyết thanh não mô cầu typ W135	1.Mục đích: chất thử định danh vi khuẩn não mô cầu nhóm W135 2. Thành phần: kháng huyết thanh 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	lọ đóng khô 1ml	1
66	Môi trường CTA có bổ	1.Mục đích: Môi trường định danh vi khuẩn não mô cầu 2. Thành phần: L-cystein 0,5g; digest casein 20g; thạch 2,5g; sodium chlorid 5g; đỏ phenol 0,017g; lactose 5g	Hộp 10 lọ	1

	sung đường lacto	3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng		
67	Môi trường CTA có bổ sung đường dextro	1. Mục đích: Môi trường định danh vi khuẩn nấm mô cầu 2. Thành phần: L-cystein 0,5g; digest casein 20g; thạch 2,5g; sodium chlorid 5g; dextro 5g 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	Hộp 10 lọ	1
68	Môi trường CTA có bổ sung đường malto	1. Mục đích: Môi trường định danh vi khuẩn nấm mô cầu 2. Thành phần: L-cystein 0,5g; digest casein 20g; thạch 2,5g; sodium chlorid 5g; dextro 5g 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	Hộp 10 lọ	1
69	Môi trường CTA có bổ sung đường sucro	1. Mục đích: Môi trường định danh vi khuẩn nấm mô cầu 2. Thành phần: L-cystein 0,5g; digest casein 20g; thạch 2,5g; sodium chlorid 5g; dextro 5g 3. Bảo quản: 2-10°C 4. hạn sử dụng: 12 tháng	Hộp 10 lọ	1
70	Phiến nhựa 96 giếng AriaMx 96 well plates	1. Mục đích: phiến nhựa đựng mẫu để chạy máy Realtime-PCR 2. Thành phần: - Chất liệu: Polypropylene - Phiến 96 giếng; thân trong; tiệt trùng, không nắp, loại 200µL; Dùng được cho máy realtime Agilent - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, chất ức chế PCR. Có thể hấp được: 121° ở áp suất 15 psi trong 15 phút 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng : ≥ 12 tháng	Hộp 25 phiến	2
71	Dài 8 ống chạy PCR	1. Mục đích: dài ống đựng mẫu để chạy máy Realtime-PCR 2. Thành phần: - Chất liệu: Polypropylene - Dài 8 ống nhựa; thân trong; vô trùng, không nắp, loại 200µL; Dùng được cho máy realtime Agilent - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, chất ức chế PCR. Có thể hấp được: 121° ở áp suất 15 psi trong 15 phút 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng : ≥ 12 tháng	Hộp 120 dài	1
72	Dài 8 nắp của ống chạy PCR	1. Mục đích: nắp của dài ống đựng mẫu để chạy máy Realtime-PCR 2. Thành phần: - Chất liệu: Polypropylene	Hộp 120 dài	2

	<p>- Dài 8 nắp ống nhựa trong; vô trùng, dùng cho dài ống nhựa loại 200μL; Dùng được cho máy realtime Agilent</p> <p>- Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, chất ức chế PCR. Có thể hấp được: 121$^{\circ}$ ở áp suất 15 psi trong 15 phút</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p>			
73	<p>Đầu côn có lọc tiệt trùng 20μl</p>	<p>1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 20ul, - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors <p>3. Bảo quản nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p>	Thùng 960 chiếc	2
74	<p>Đầu côn có lọc tiệt trùng 1000μl</p>	<p>1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 1000ul, - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors <p>3. Bảo quản nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p>	Thùng 768 chiếc	1
75	<p>Găng tay y tế không bột cỡ S</p>	<p>1. Mục đích: là một trong số các dụng cụ bảo hộ để bảo vệ bàn tay, tránh nhiễm cho người làm và nhiễm chéo giữa các mẫu.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng chất liệu nitrile - Dùng một lần - Cỡ S - Tiệt trùng không bằng Ethylene Oxide - Đơn vị sản xuất đạt ISO 13485 hoặc tương đương <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Thùng/ 10 hộp hộp 50 đôi	2
76	<p>Khẩu trang 4 lớp</p>	<p>1. Mục đích: Bảo vệ hệ hô hấp</p> <p>2. Mô tả: Khẩu trang hoạt tính 4 lớp</p>	Hộp 50 chiếc	10

			3. Điều kiện bảo quản: Không áp dụng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng		
77	Xà phòng bột		1. Mục đích: Sử dụng làm sạch quần áo bảo hộ 2. Thành phần bao gồm: - Linear Alkylbenzene Sulfonate, Laureth-7 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 700g	3
78	Nước rửa chén		1. Mục đích: Sử dụng làm sạch dụng cụ thí nghiệm 2. Mô tả: Thành phần Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Salt:13,0%, Sodium laury ether sulfale 4,0% 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 400ml	5
79	Lifebouy rửa tay		1. Mục đích: Sử dụng làm sạch tay 2. Mô tả: Thành phần chất tẩy rửa nhẹ (sodium sulphat, sodium chloride, sodium benzoate, oil, perfume...) 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 500ml	5
7	Hoạt động 7		Mua hóa chất vật tư để xét nghiệm xét nghiệm chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh bạch hầu		
1	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn bạch hầu		1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng <i>C. diphtheriae</i> 2. Thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương, chứng âm, dung dịch dừng phản ứng - Chứng nhận IVD 3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Kit 96 phản ứng	5
2	Kit chạy multiplex qPCR		1. Mục đích: kit chạy multiplex qPCR 2. Mô tả: Nồng độ 2X Thành phần: Multiplex qPCR SuperMix, 1.25 mL ROX Reference Dye 50X, 250 μ L Low ROX Reference Dye 50X, 250 μ L 3. Bảo quản: -20 độ 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Kit 200 x 50 μ L rxns	1

3	<p>Kit tách chiết DNA</p>	<p>1. Mục đích: Kit tách chiết DNA từ nhiều nguồn khác nhau như máu toàn phần, mô, tế bào. 2. Thành phần: - Số cột lọc: 50 - Số ống thu hồi loại 2ml: 150 ống - Đệm AL: 12 ml - Đệm ATL: 14 ml - Đệm AW1: 19ml - Đệm AW2: 13ml - Đệm AE: 22 ml - Proteinase K: 1.25 ml - Kit 50 phản ứng 3. Nhiệt độ bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: 6 tháng"</p>	Hộp 50 phản ứng	4
4	<p>Môi xét nghiệm vi khuẩn C. diphtheriae</p>	<p>1. Mục đích: Môi xét nghiệm vi khuẩn C. diphtheriae bằng realtime PCR 2. Mô tả: - Oligonucleotide đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự môi: Coryne_toxF: GGCCAAGATGGGATGTATG Coryne_toxR: CCCAATCAAGATTATGCATGAC Diph_rpoBF: CGCCAGCAAGAAAGAGCT Diph_rpoBR: AGGCTCAGAAAAGAGACAGC CUP_rpoBF: TAGATTCCCTCGCATGGCTCA CUP_rpoBR: CGGAATAATCCTGAATCGGAG RNaseP-F: CCAAGTGTGAGGGCTGAAAAAG RNaseP-R: TGTTGGGCTGATGAACTATAAAAAG - Nồng độ: Coryne_toxR (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol) Coryne_toxF (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol) Diph_rpoBF (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol) Diph_rpoBR (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol) CUP_rpoBF (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol) CUP_rpoBR (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol) RNaseP-F (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol) RNaseP-R (Tối thiểu OD: 12; 60 nmol)</p>	ống 200nmol	4

		<p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu bằng realtimePCR</p> <p>2. Mô tả: - Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự đầu dò: Coryne_toxP: FAM-TCGTGTCAGGGGATCAGTAGGTAGC-BHQ1 RNaseP-P: FAM-CCCCAGTCTGTGCAGCACTCCCTTC-BHQ1 - Nồng độ Coryne_toxP (Tối thiểu OD: 3) RNaseP-P (Tối thiểu OD: 3)</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	
5	Đầu dò FAM xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu	<p>1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu bằng realtimePCR</p> <p>2. Mô tả: - Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự đầu dò: CUP_rpoBP-Q670: Q670-CAGGAGGAGCTRGGTGAAARCGTCC-BHQ3. - Nồng độ: (Tối thiểu OD: 3)</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	ống 3OD
6	Đầu dò Q670 xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu	<p>1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu bằng realtimePCR</p> <p>2. Mô tả: - Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự đầu dò: CUP_rpoBP-Q670: Q670-CAGGAGGAGCTRGGTGAAARCGTCC-BHQ3. - Nồng độ: (Tối thiểu OD: 3)</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	ống 3OD
7	Đầu dò HEX xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu	<p>1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu bằng realtimePCR</p> <p>2. Mô tả: - Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự đầu dò: Diph_rpoBP-HEX: HEX- CGACTGGTTCGGCTAACAAAGCG-BHQ1 - Nồng độ: (Tối thiểu OD: 3)</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	ống 3OD
8	Nước tinh khiết	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để pha hóa chất trong các thí nghiệm sinh học phân tử</p> <p>2. Mô tả: Nước tinh khiết không chứa DNase / RNase sử dụng trong tất cả các ứng dụng sinh học phân tử</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</p>	Chai 1000ml
9	Chất nền dùng trong kỹ thuật	<p>1. Mô tả: Chất nền HCCA tinh khiết, dạng bột chia sẵn từng ống, dùng để pha dung dịch matrix trong kỹ thuật khối phổ, hỗ trợ quá trình ion hóa và giải hấp mẫu,</p>	Lọ 2.5mg

	khối phổ phục vụ định danh vi khuẩn	giúp phân tích protein, peptide và định danh vi sinh vật với độ nhạy và độ chính xác cao 2. Thông số kỹ thuật: - Thành phần có α -Cyano-4-hydroxycinnamic acid ở dạng khô - Bột khô, chia sẵn từng ống - Hàm lượng mỗi ống: $\sim 2.5 \text{ mg} \pm 0.3 \text{ mg}$. 3. Bảo quản: Nhiệt độ 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng		
10	Môi trường canh thang não tim	1. Mục đích: Tăng sinh, nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Môi trường dạng bột, không bị vón cục. 3. Bảo quản: 15-25 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	hộp 500gr	1
11	Thạch máu cơ bản	1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy phân lập những vi khuẩn hoặc vi sinh vật mà không cấy dễ dàng 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 gr	1
12	Môi trường vận chuyển Ameis	1. Mục đích: Lấy và vận chuyển mẫu bệnh phẩm để chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh Ho gà 2. Mô tả: thành phần gồm: môi trường Ameis Gel W/Charcoal trong ống nhựa có que lấy mẫu kèm theo 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: > 6 tháng	Hộp 400 chiếc	1
13	Máu cừu	1. Mục đích: bổ sung chất dinh dưỡng cho môi trường nuôi cấy vi khuẩn 2. Máu cừu tươi lấy vào túi chống đông 250 ml 3. Hạn sử dụng: 3 tháng 4. Bảo quản: 2-8 độ	250ml/túi	2
14	Đầu côn có lọc, tiết trùng 10ul	1. Mô tả: Đầu côn có lọc tiết trùng 10ul, Dùng để hút mẫu, hòa chất trong kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài đầu côn: khoảng $\geq 45 \text{ mm}$. - Thể tích hút: 0.1-10 μL , có màng lọc. - Lọc khí: sử dụng công nghệ Micropore Filter	Thùng 10 phiên (hộp), mỗi phiên có 96 chiếc	2

		<p>Technology với kích thước lỗ lọc 10–40 μm, làm từ polyethylene kỵ nước, không chứa chất phụ gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu đầu côn: Polypropylene, màu tự nhiên. - Đặc tính low retention: Bề mặt trong siêu kỵ nước giúp giảm thiểu mẫu lưu lại, tăng độ chính xác khi hút mẫu nhỏ hoặc mẫu nhớt. - Không chứa: RNase, DNase, nội độc tố (pyrogen), DNA người, PCR inhibitors - Đã tiệt trùng bằng chiếu xạ beta hoặc gamma theo tiêu chuẩn ISO 11137. - Phù hợp với tối thiểu 02 loại Pippet trở lên <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>		
15	Đầu côn có lọc, tiệt trùng 20ul	<p>1. Mô tả: Đầu côn có lọc tiệt trùng 20 μL, dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đầu côn: khoảng ≥ 53 mm. - Thể tích hút: 20μL. - Chất liệu đầu côn: Polypropylene, màu tự nhiên. - Không chứa: RNase, DNase, nội độc tố (pyrogen), DNA người, PCR inhibitors - Đã tiệt trùng bằng chiếu xạ beta hoặc gamma theo tiêu chuẩn ISO 11137. - Phù hợp với tối thiểu 02 loại Pippet trở lên. <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng"</p>	Thùng 10 phiên (hộp), mỗi phiên có 96 chiếc	1
16	Đầu côn có lọc, tiệt trùng 200ul	<p>1. Mô tả: Đầu côn có lọc tiệt trùng 200 μL, dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đầu côn: khoảng ≥ 53mm. - Thể tích hút: 20–200 μL. - Chất liệu đầu côn: Polypropylene, màu tự nhiên. - Không chứa: RNase, DNase, nội độc tố (pyrogen), DNA người, PCR inhibitors - Đã tiệt trùng bằng chiếu xạ beta hoặc gamma theo tiêu chuẩn ISO 11137. - Phù hợp với tối thiểu 02 loại Pippet trở lên. <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 10 phiên (hộp), mỗi phiên có 96 chiếc	2

17	Đầu côn có lọc, tiết trùng 1000ul	<p>1. Mô tả: Đầu côn có lọc tiết trùng 1000 μL, dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đầu côn: khoảng ≥ 88 mm - Thể tích hút: 100-1000 μL, có màng lọc. - Lọc khí: sử dụng công nghệ Micropore Filter Technology với kích thước lỗ lọc 10-40 μm, làm từ polyethylene kỵ nước, không chứa chất phụ gia. - Chất liệu đầu côn: Polypropylene, màu tự nhiên. - Đặc tính low retention: Bề mặt trong siêu kỵ nước giúp giảm thiểu mẫu lưu lại, tăng độ chính xác khi hút mẫu nhỏ hoặc mẫu nhớt. - Không chứa: RNase, DNase, nội độc tố (pyrogen), DNA người, PCR inhibitors - Đã tiết trùng bằng chiếu xạ beta hoặc gamma theo tiêu chuẩn ISO 11137. - Phù hợp với tối thiểu 02 loại Pipet trở lên. <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 10 phiên (hộp), mỗi phiên có 96 chiếc	1
18	Ống ly tâm 2ml, đáy nhọn, có nắp	<p>1. Mục đích: thực hiện ly tâm/hút mẫu/dung dịch/pha hỗn dịch phản ứng/tách ADN</p> <p>2. Mô tả: Thể tích: 2ml, không tiết trùng</p> <p>- Chất liệu: Polypropylene</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắp liền thân ống, màu trong, có thể hấp được - Không tiết trùng và có thể hấp khử trùng - Nắp phẳng, đáy nhọn - Lực ly tâm: 17,000 xg - Chứng chỉ: Non-Pyrogenic, RNase-/DNase-free, không độc hại theo Tiêu chuẩn USP class VI <p>2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p>	Túi 1000 chiếc	1
19	Dải 8 ống PCR 0,2 ml kèm nắp	<p>1. Mục đích: Dụng hỗn dịch phản ứng PCR</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: nhựa Polypropylen , nắp phẳng , có gắn nắp theo từng ống - Thể tích 0,2ml - Dải 8 ống - Không chứa Dnase/Rnase và nội độc tố - Màu trắng, nắp phẳng 	Túi 120 dải	3

		<p>- Đóng gói: Túi 120 dài và nắp</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p> <p>1: Mục đích sử dụng: lưu giữ mẫu bệnh phẩm hoặc chủng vi khuẩn trong nhiệt độ âm sâu (tủ -80 hoặc Nito lỏng).</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích: 2ml, tự đứng, đáy tròn, nắp ren ngoài. - Vật liệu: Polypropylene nguyên chất - Có vòng đệm silicon để bịt kín an toàn - Chịu được nhiệt độ âm sâu -196°C - Khử trùng bằng bức xạ gamma theo tiêu chuẩn ANSI / AAMI / ISO 11137 hoặc tương đương - Chứng chỉ: Nonpyrogenic và DNase/RNase-free - Sản xuất bằng 100% năng lượng tái tạo thông qua Chứng chỉ thuộc tính năng lượng EAC - Vạch chia độ bên ngoài <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.</p>	Thùng 500 chiếc	1
20	Ống 2ml đáy tròn có nắp	<p>"1. Mục đích: là một trong số các dụng cụ bảo hộ để bảo vệ bàn tay, tránh nhiễm cho người làm và nhiễm chéo giữa các mẫu.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng chất liệu nitrile - Dùng một lần - Cỡ S - Tiệt trùng không bằng Ethylene Oxide - Đơn vị sản xuất đạt ISO 13485 hoặc tương đương <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 12 tháng"</p> <p>1. Mục đích sử dụng: Trữ tube đựng mẫu</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộp 10x10 giếng, dành cho tube 2ml - Thành phần: Nhựa PP - Chịu được nhiệt độ: -70 ~ +140 °C 	Hộp 50 đôi	9
21	Găng tay y tế không bột cỡ S	<p>1. Mục đích sử dụng: Trữ tube đựng mẫu</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộp 10x10 giếng, dành cho tube 2ml - Thành phần: Nhựa PP - Chịu được nhiệt độ: -70 ~ +140 °C 	chiếc	10

		<p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p> <p>1. Mục đích: Thăm/hút bản ELISA/Vệ sinh, bảo dưỡng Pipet. 2. Mô tả: Giấy thấm vuông, đóng gói 100 tờ 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p> <p>1. Mục đích sử dụng: dùng để khử khuẩn trong quá trình làm xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: Còn 70% 3. Bảo quản : nhiệt độ thường (20oC - 25oC) 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	
23	Giấy thấm		Thùng 100 tập 1
24	Còn y tế 70%		chai 1000ml 3
25	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn ho gà	<p>1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng <i>Bordetella pertussis</i> 2. Mô tả: thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương, chứng âm, dung dịch dùng phản ứng - Chứng nhận IVD 3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Kit 96 phản ứng 4
26	Môi xét nghiệm vi khuẩn B. pertussis	<p>1. Mục đích: Môi xét nghiệm vi khuẩn B. pertussis bằng realtime PCR 2. Mô tả: - Oligonucleotide đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự môi: IS481_852U18: CAAGGCCGAAACGCTTCAT IS481_871U22P: GAGTTCTGGTAGGTGAGCGTAA PtxS1_402U16: CGCCAGCTCGTACTTC PtxS1_442L15: GATACGGCCCGGCATT 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 200nmol 4
27	Đầu dò FAM xét nghiệm vi khuẩn ho gà	<p>1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi khuẩn ho gà bằng realtimePCR 2. Mô tả: - Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự đầu dò: IS481-Probe: FAM-CAGTCGGCCCTTGCGTGAGTGGG-BHQ1 - Nồng độ: (Tối thiểu OD: 3) 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 3OD 1

28	Đầu dò HEX xét nghiệm vi khuẩn ho gà	<p>1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi khuẩn ho gà bằng realtimePCR</p> <p>2. Mô tả:</p> <p>- Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô</p> <p>Trình tự đầu dò: PtxSI: HEX-AAATACGTCGACACTTATGGCGA-BHQ1 CAGTCGGCCTTGGCTGAGTGGG-BHQ1</p> <p>- Nồng độ: (Tối thiểu OD: 3)</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 30D	1
29	Môi trường charcoal	<p>1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn ho gà</p> <p>2. Mô tả: Môi trường nuôi cấy và phân lập vi khuẩn Bordetella pertussis và Haemophilus influenzae.</p> <p>- Thành phần (g/l): `Lab-Lemco' powder 10, Peptone 10, Starch 10, Charcoal bacteriological 4, Sodium chloride 5, Nicotinic acid 0,001, Agar 12</p> <p>- pH: 7.4 ± 0.2 tại 25°C</p> <p>Chất bổ trợ khi sử dụng môi trường nuôi cấy Charcoal Agar nhằm phân lập các chủng vi khuẩn Bordetella (SR0082E)</p> <p>3. Bảo quản: $10-30^{\circ}\text{C}$</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 500g	1
30	Môi trường vận chuyển Ameis	<p>1. Mục đích: Lấy và vận chuyển mẫu bệnh phẩm để chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh Ho gà</p> <p>2. Mô tả: thành phần gồm: môi trường Ameis Gel W/Charcoal trong ống nhựa có que lấy mẫu kèm theo</p> <p>3. Bảo quản: $4-8^{\circ}\text{C}$</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 12 tháng</p>	Hộp 400 chiếc	1

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số 551/VSDTTU-KHQĐT ngày 31 tháng 03 năm 2026)

TÊN CÔNG TY

Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc.

BÁO GIÁ KẾ HOẠCH

Kính gửi: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Công ty. <...> có địa chỉ tại <...>. Chúng tôi xin gửi tới Quý Viện báo cáo giá các mặt hàng như sau:

Tên hoạt động	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời báo giá				Thông tin báo giá						Thành tiền	Đơn giá	Số lượng chào	Mã HS của hàng hoá	Đơn giá	Ghi chú	
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói (đựng kiện)	Đơn vị tính yêu cầu	Số lượng	Tính năng kỹ thuật của hàng hoá chào giá	Quy cách đóng gói chào giá	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mã hàng (code)							Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
Phần 1																			
	1																		
	2																		
	...																		
	Tổng cộng 1																		
																		
	...																		

Ghi chú:

1. Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng theo và toàn bộ các chi phí, lệ phí liên quan để cung cấp hàng hoá.
2. Các điều khoản: Hàng hoá mới 100%, Thời gian giao hàng....., phương thức thanh toán...
3. Hiệu lực của báo giá: trong vòng ... ngày kể từ ngày ký (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)
4. Chúng tôi cam kết không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định về doanh nghiệp. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

